

V/v yêu cầu báo giá để phân bổ
dự toán mua sắm TTBYT năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế Đông Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để trình phân bổ dự toán mua sắm trang thiết bị y tế năm 2026 cho Trung tâm Y tế Đông Giang với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Trung tâm Y tế khu vực Đông Giang
- Địa chỉ: 121 Võ Chí Công, Xã Đông Giang, TP Đà Nẵng

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

- Khoa Dược TTYT khu vực Đông Giang.
- Số điện thoại: 02353.898226; 0399547549
- Email: duocttydonggiang@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận 03 bộ báo giá bản giấy có dấu đỏ (gồm báo giá theo mẫu phụ lục và tài liệu về cấu hình, thông số kỹ thuật, catalog của mặt hàng báo giá) tại địa chỉ Khoa Dược TTYT khu vực Đông Giang 121 Võ Chí Công, Xã Đông Giang, TP Đà Nẵng .

File pdf, word gửi qua Email: duocttydonggiang@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ thời điểm đăng yêu cầu chào giá đến trước 11 giờ 00 phút ngày 15 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 06 tháng, kể từ ngày 15 tháng 05 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế.

Stt	Danh mục	Mô tả yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1.	Máy siêu âm màu tổng quát 4D	Chi tiết theo Phụ lục II	01	Máy
2.	Tủ an toàn sinh học cấp hai	Chi tiết theo Phụ lục II	01	Máy
3.	Máy hút dịch	Chi tiết theo Phụ lục II	01	Máy



4.	Máy điện tim 6 cần	Chi tiết theo Phụ lục II	01	Máy
----	--------------------	--------------------------	----	-----

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại địa chỉ 121 Võ Chí Công, Xã Đông Giang, TP Đà Nẵng

3. Thời gian giao hàng dự kiến: quý II, III năm 2026.


4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Tạm ứng không vượt quá 30% giá trị gói thầu; thanh toán theo khối lượng bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT..

GIÁM ĐỐC



B.SCKI. Lê Thị Tuyết

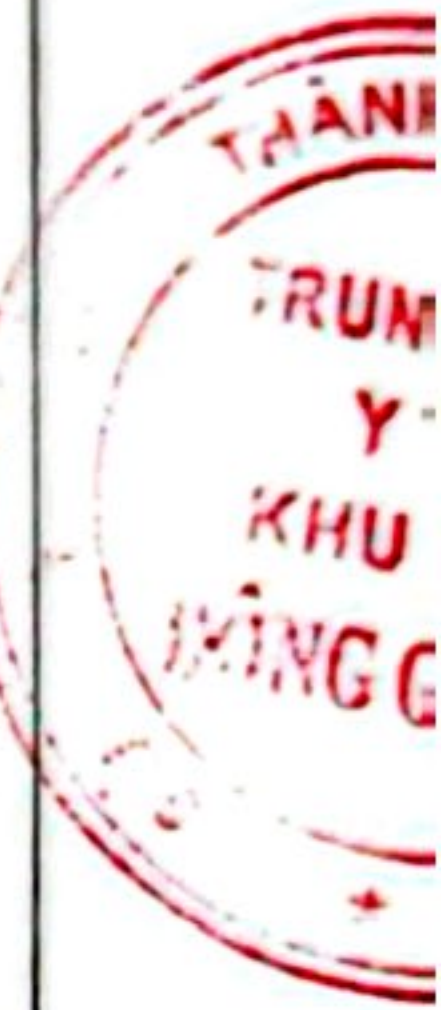




Phụ lục II

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 05 / 05 / 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đông Giang)

I. Máy siêu âm màu tổng quát 4D	
A.	YÊU CẦU CHUNG
	<ul style="list-style-type: none">- Thiết bị mới 100%- Năm sản xuất: từ năm 2026 trở về sau- Môi trường hoạt động:<ul style="list-style-type: none">+ Nhiệt độ 10 độ C đến 40 độ C+ Độ ẩm 10% đến 80% (Không ngưng tụ)- Đạt các tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485- Nguồn điện: 220V, 50/60Hz
B.	CẤU HÌNH
	<ul style="list-style-type: none">- 01 Máy siêu âm chẩn đoán- Bao gồm:<ul style="list-style-type: none">- 01 Hệ thống máy chính- Đầu dò:<ul style="list-style-type: none">+ 01 Đầu dò convex đơn tinh thể 6C1 đa tần số+ 01 Đầu dò linear 14L4 đa tần số+ 01 Đầu dò Phụ khoa 10MC3 đa tần số+ 01 Đầu dò 4D Sản 9VC2 đa tần số- Phần mềm sản phụ khoa:<ul style="list-style-type: none">+ 01 Phần mềm siêu âm thai 3D/4D+ 01 Phần mềm tạo nguồn sáng ảo trong 4D - LightSource- Phụ kiện:<ul style="list-style-type: none">+ 01 Máy in nhiệt đen trắng+ 01 Bộ máy vi tính+ 01 Máy in màu+ 01 Can gel siêu âm 5l+ Bộ lưu điện UPS 1kVA (mua tại Việt Nam): 01 bộ+ 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt
C.	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT
	<p>1. Máy chính</p> <p>Hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mật độ dòng 2D-mode: 512 dòng- Kênh xử lý: 3670016 kênh- Dải động toàn hệ thống: > 329 dB- Dải tần số hệ thống: 1 đến 20 MHz- Khớp nối theo chiều dọc: 11 cm- Màn hình phẳng tinh thể lỏng (LCD) với chiếu sáng nền bằng LED và công nghệ IPS góc rộng (chuyển đổi trong mặt phẳng)- Kích thước màn hình: 21,5 inch, độ phân giải Full HD- Tỷ lệ tương phản cao 1000 : 1- Góc quan sát: ± 89 độ- Màn hình LCD cảm ứng 13,3 inch- Độ phân giải màn hình cảm ứng: 1920 × 1080- Hỗ trợ hệ điều hành Windows 10 <p>Lưu trữ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cổng đầu dò: hỗ trợ 5 cổng đầu dò



- Lựa chọn công đầu dò điện từ
- 7 giá treo đầu dò hỗ trợ tất cả các loại đầu dò và chỗ chứa chai gel
- Tích hợp bộ làm ấm Gel
- Dung lượng ổ cứng: 500GB SSD
- Dung lượng lưu trữ ảnh 300000 ảnh nén

Đầu ra hiển thị:

- Hỗ trợ một đầu ra HDMI
- Hỗ trợ đầu ra S-video
- Hai cổng USB 2.0 mà người dùng có thể tiếp cận ở bên trái bảng điều khiển. Bốn cổng USB mà người dùng có thể tiếp cận ở mặt sau hệ thống

2. Chế độ siêu âm:

Chế độ 2D:

- 2D cơ bản
- THI đảo pha
- THI lọc
- THI thay thế

Doppler màu :

- Doppler màu tốc độ
- Doppler năng lượng
- Doppler năng lượng có hướng

Doppler phổ:

- Doppler xung PW
- Sóng liên tục có lái tia (SCW)
- Chế độ Duplex và Triplex

Chế độ M :

- M-mode
- M-mode màu
- M-mode giải phẫu

3. Chế độ hiển thị:

Đặc tính kỹ thuật cho Chế độ 2D

- Tốc độ khung hình thu được trên 2D, tùy thuộc vào đầu dò và độ sâu thăm khám: lên đến 2070 fps (hình trên giây)
- Tần số cơ bản, tùy thuộc vào đầu dò: lên đến 5
- Tần số hòa âm, tùy thuộc vào đầu dò: lên đến 5
- Độ khuếch đại: -30 dB đến 30 dB, bước tăng 1 dB
- Dải động: 10 dB tới 90 dB trong 1 bước tăng
- Tiêu điểm: lên đến 8 vùng
- Phóng to: lên đến 10 lần
- Độ phân giải/Tốc độ: 6 mức
- Độ ổn định: 6 mức
- Làm rõ bờ: 4 mức
- Công nghệ lọc nhiễu đốm: 3 mức
- Đảo trái/phải và trên/dưới cho tất cả các định dạng trong thời gian thực và xem lại cine kỹ thuật số
- Tách hình/ phóng đại
- Tạo ảnh định dạng ảo (phụ thuộc vào loại đầu dò): Lái tia trái/ phải, Tạo hình ảnh hình thang
- Chế độ 4B

- Độ sâu thăm khám: 1 đến 35 cm mỗi bước tăng 0,5 cm (tùy vào loại đầu dò)

Đặc tính kỹ thuật cho Chế độ M

- Tần số: 5 tần số do người dùng lựa chọn, bao gồm cơ bản và hòa âm

- Làm rõ bờ: 4 mức

- Hiển thị dải động: 10 đến 90 dB, mỗi bước tăng 3dB

- Độ khuếch đại: -30 đến 30 dB, mỗi bước tăng 1dB

- Bàn đồ thang xám: 7 bản đồ

- Bàn đồ màu chế độ M-mode: 16 bản đồ

- Tốc độ quét: 10 lựa chọn

- Chế độ hiển thị : Chế độ M-mode, 2D/M-mode toàn màn hình

- Hiển thị ảnh: 4 định dạng:

Trên-dưới: 1/3-2/3, 1/2-1/2, 2/3-1/3

Cạnh nhau: 50- 50

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler màu

- Công nghệ tạo ảnh đa lát tia giúp xử lý 4 tín hiệu tín hiệu (Quad) cho tốc độ khung hình Doppler màu lên đến 300 fps (tùy vào loại đầu dò)

- Tần số truyền: Lên đến 4 tần số do người dùng lựa chọn cho mỗi đầu dò

- Lát tia sang trái/phải trên tất cả các loại đầu dò tuyến tính

- Đảo Doppler màu

- Xử lý nâng cao trong chế độ Doppler màu mang lại độ phân giải không gian xuất sắc và loại trừ các tia lóe

- Tối ưu hóa trạng thái dòng màu tự động với các mức dòng nhanh, vừa và chậm

- Bàn đồ Doppler màu vận tốc: lên đến 10 kiểu do người dùng tùy chọn (9 vận tốc và 1 vận tốc/ phương sai)

- Thang đo vận tốc: $\pm 0,5$ đến $\pm 330,9$ cm/giây (tùy thuộc vào loại đầu dò)

- Khoảng PRF: 100 đến 25500 Hz (tùy thuộc vào loại đầu dò)

- Độ khuếch đại: -20 đến 20 dB, tăng 1dB

- Mật độ dòng Doppler màu: 6 lựa chọn

- Lọc chuyển động thành: 4 mức

- Làm mịn màu: 4 mức

- Ưu tiên mô/màu: 5 lựa chọn

- Độ ổn định Doppler màu: 5 mức

- Đường nền: 13 mức

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler năng lượng/ Doppler năng lượng có hướng

- Công nghệ tạo đa tia cho phép xử lý tín hiệu quad cho Doppler năng lượng tới tốc độ khung hình lên đến 326 fps (tùy vào loại đầu dò)

- Lát tia sang trái/phải trên tất cả các loại đầu dò tuyến tính

- Tần số truyền: Lên đến 4 tần số truyền cho phép người dùng lựa chọn cho mỗi đầu dò

- Bàn đồ Doppler Năng lượng: 18 bản đồ (9 định hướng và 9 không định hướng)

- Dải PRF: 100 đến 25500 Hz (tùy thuộc vào đầu dò)

- Độ khuếch đại: -20 đến 20 dB trong bước tăng 1 dB

- Mật độ dòng Doppler Năng lượng: 6 mức

- Lọc chuyển động thành: 4 mức

- Làm mịn Doppler Năng lượng: 4 mức

- Mức độ ưu tiên Doppler mô/năng lượng: 5 mức

- Độ bền màu: 5 cấp độ

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler xung

- Tần số phát: lên tới 4 mức tần số tùy chọn trên mỗi đầu dò

- Tốc độ quét: 10 lựa chọn
- Có sẵn Doppler mô DTI trên một số đầu dò
- Bản đồ thang xám hậu xử lý: 7 kiểu
- Đồ màu Doppler: 12 kiểu
- Độ khuếch đại: -30 đến 30 dB mỗi bước tăng 1 dB
- Khoảng PRF: 152 đến 39100 Hz (tùy thuộc vào đầu dò)
- Dải vận tốc: $\pm 0,8$ đến ± 840 cm/s với hiệu chỉnh góc 0 độ (tùy thuộc vào đầu dò)
- Hiệu chỉnh góc: 0 đến 89 độ mỗi bước 1 độ
- Kích thước cổng: 0,5 đến 20 mm
- Lọc chuyển động thành: 14 đến 6055 Hz, 7 mức (tùy vào loại đầu dò)
- Dịch chuyển đường nền: 13 mức
- Đảo phỏ
- Chức năng tự động vẽ đường bao viền phỏ AutoTrace

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler liên tục có lái tia

- Tần số truyền: 3 tần số
- Tốc độ quét: 10 lựa chọn
- Bản đồ thang xám hậu xử lý: 7 bản đồ
- Bản đồ màu Doppler: 12 bản đồ
- Độ khuếch đại: -30 đến 30 dB mỗi bước tăng 1dB
- Khoảng PRF: tốc độ lấy mẫu 152 đến 52100 Hz (tùy thuộc vào đầu dò)
- Dải vận tốc: $\pm 1,15$ đến ± 1100 cm/s với hiệu chỉnh góc 0 độ (tùy thuộc vào đầu dò)
- Lọc chuyển động thành: 14 đến 6950 Hz, 7 mức (tùy vào loại đầu dò)
- Dịch chuyển đường nền: 13 mức
- Đảo phỏ
- Hỗ trợ chức năng tự động bao viền phỏ

4. Gói công nghệ tăng cường chất lượng hình ảnh

Công nghệ tăng cường tương phản mô động DTCE

- Công nghệ Dynamic TCE là một phương pháp hậu xử lý độc quyền, tiên tiến để giảm nhiễu đốm
- Tương thích với các chế độ tạo ảnh nâng cao khác bao gồm kết hợp SieClear Nâng cao, THI, và công nghệ eSieImage
- Hỗ trợ tất cả các loại thăm khám sơ cấp và thứ cấp
- Có sẵn ba cấp độ: Thấp, Trung bình và Cao

Ổn định hình ảnh động

- Ổn định hình ảnh động hoạt động với B-mode và Màu, giúp ngăn hiện tượng bóng mờ khi đầu dò hoặc bệnh nhân chuyển động, và tăng cường độ nhạy màu sắc và giảm nhiễu ở B-mode khi không phát hiện được chuyển động

Triệt tiêu Nhiễu ảnh màu tự động

- Công nghệ đột phá và độc quyền của Siemens Healthineers giúp phát hiện và ngăn xáo ảnh do chuyển động của đầu dò hoặc bệnh nhân, và tăng cường độ nhạy màu khi không phát hiện được chuyển động

Kết hợp không gian nâng cao

- Kết hợp các công nghệ này đem lại cải thiện tuyệt vời trong việc xác định độ rõ nét của đường bờ

- Lên đến 7 góc lái tia có sẵn trên đầu dò tuyến tính, 7 góc lái tia trên đầu dò cong

- Hỗ trợ tất cả các loại thăm khám sơ cấp và thứ cấp

Công nghệ Tăng cường độ rõ nét mạch máu

- Công nghệ thích ứng theo thời gian thực được cấp bản quyền. Công nghệ độc đáo này sử dụng thông tin dòng Doppler để giảm nhiễu trong các cấu trúc vĩ mạch và vi mạch, giúp tăng độ rõ nét của thành mạch rõ ràng hơn với khả năng phát hiện ranh giới mô được cải thiện và nâng cao độ phân giải tương phản mô mà không ảnh hưởng độ phân giải không gian

- 7 mức do người dùng chọn

- Có sẵn trên tất cả các đầu dò

Tối ưu hoá thông số

- Tăng cường hiệu quả của quy trình làm việc bằng cách mang đến một hình ảnh đồng nhất, loại bỏ việc gõ bàn phím không cần thiết và giảm thời gian thăm khám. Tối ưu hóa một cách sáng tạo các thông số tạo ảnh chính theo thời gian thực cho nhiều cấu trúc cơ thể bệnh nhân khác nhau

- Tối ưu cả khuếch đại đầu vào và ra một cách độc lập, nhờ đó giảm nhiễu và độ bão hòa

- Liên tục nhận biết và triệt tiêu nhiễu và tăng cường chất lượng hình ảnh mô để bù trừ khuếch đại theo cơ địa của từng bệnh nhân và ý muốn của người vận hành

Tạo ảnh Doppler mô

- Doppler mô sử dụng công nghệ phân biệt chuyển động đa biến để xử lý thông tin dịch chuyển tần số Doppler từ mô chuyển động (ví dụ, cơ tim, van tim, v.v.) và hiển thị dữ liệu sinh lý về vận tốc, gia tốc và khả năng tán xạ của các mô chuyển động trong nhiều chế độ siêu âm và hiển thị dải. DTI mang lại thông tin bổ sung về lâm sàng và kiểm tra về chức năng cơ tim trong các thăm khám qua thành ngực

- Tùy chọn siêu âm DTI mô bao gồm như sau:

- DTI Vận tốc (DTV)

- DTI Năng lượng (DTE)

5. Phần mềm siêu âm sản khoa nâng cao

Tạo ảnh 3D/4D

Tạo ảnh 3D theo thời gian thực

- Tạo ảnh 3D thời gian thực 3-Scape là kỹ thuật thu nhận không cần thao tác bằng tay

Tạo ảnh 4D

- Cung cấp hình ảnh 3D thời gian thực

- Thu nhận lên đến 19,3 thể tích/giây

- Các phép đo đặc MPR

- MPR cong

Công nghệ fourSight nâng cao:

- Giúp nâng cao thu nhận 3D/4D, tạo dữ liệu và chức năng hậu xử lý

- Định dạng đa lát cắt – đa lát cắt cho phép người dùng lựa chọn vùng quan tâm, khoảng cách giữa các lát cắt và định dạng từng lát cắt. Định dạng MultiSlice hỗ trợ lên đến 36 lát cắt 1 lần.

- Tạo Lát cắt Dày (TSI) cho phép xác định mặt phẳng quan sát và tạo một lớp cắt dày vùng quan tâm. TSI làm tăng độ phân giải tương phản và cung cấp nhiều thông tin hơn trên một ảnh đơn lẻ.

Tạo ảnh nguồn sáng ảo

Phương pháp tạo ra một thể tích trong đó ánh sáng không phản xạ khỏi bề mặt mà khuếch tán vào bề mặt của cấu trúc. Sự khuếch tán một phần ánh sáng này dẫn đến sự thể hiện chính xác hơn về thai nhi. Nó có thể được sử dụng theo cách tương tự như các phương pháp dựng hình bề mặt khác.

Kết nối DICOM 3.0

- Cho phép truyền dữ liệu kỹ thuật số thông qua mạng DICOM dùng cho cả in ấn và lưu trữ.
- Kết nối với hệ thống PACS để lưu trữ tất cả các ảnh kỹ thuật số và clip động cùng với dữ liệu nhân khẩu học của bệnh nhân

- In ảnh bằng máy DICOM in màu và in đen trắng

Bảo mật Hệ thống Siêu âm – Phần mềm chống Virus

- Giải pháp chống virus giúp bảo vệ hệ thống trước những nguy cơ cao liên tục, virus, malware và các phần mềm thực thi bằng cách phát hiện và ngăn chặn bất kỳ thay đổi ngoài ý muốn nào để tăng cường sự tuân thủ và bảo mật về IT

6. Các phép đo và phân tích

Đo lường ở chế độ 2D

- Đo khoảng cách
- Đo chiều sâu từ bề mặt da
- Đo góc
- Diện tích và chu vi: elip, bao viên
- Thẻ tích: người dùng có thể lựa chọn cài đặt trước theo các phép đo 1 khoảng cách, 2 khoảng cách, 3 khoảng cách, hoặc 1 elip và 1 khoảng cách
- Thẻ tích dòng: 1 vận tốc và 1 khoảng cách, hoặc 1 vận tốc và 1 elip, eSieCalcs và Đo hẹp tự động
- Độ hẹp: người dùng có thể lựa chọn cài đặt trước tính toán theo phép đo 2 elip, hoặc 2 khoảng cách và một phương pháp bổ sung cho đo độ hẹp là bao viên elip

Đo lường trong sản khoa:

- Các phép đo Tuổi thai trong giai đoạn đầu thai kỳ (GA)+ là MSD, CRL, và noãn hoàng (Yolk Sac)
- Các nhãn thông số tuổi thai là MSD, CRL, BPD, OFD, HC, AC, TAD, APAD, FL, HL, UL, TL, FT, FTA và BN
- Không giới hạn các nhãn đo do người dùng tùy chọn
- Các tính toán bao gồm: EFW từ tham chiếu lựa chọn, HC/AC, TCD/AC, LVW/HW, BPDa, FL/AC, FL/BPD, CI, AFI, AXT
- Đo lường và tính toán tim thai toàn diện
- Góc nghiêng bề mặt: đo độ mờ da gáy thai nhi (NT) và đo độ dày da gáy (NF)
- Tính toán tuổi thai (GA) và thời gian dự kiến sinh (EDC)
- Báo cáo bệnh nhân thăm khám Đầu Thai kỳ và Sản khoa bao gồm bảng danh sách công việc để xem tiến trình báo cáo và chỉnh sửa trong quá trình thăm khám
- Khả năng báo cáo đa thai: tối đa 4 thai
- Biểu đồ phân tích sự tăng trưởng của thai nhi với sự liên kết với tài liệu thăm khám
- Trang báo cáo tim thai chi tiết

Đo lường trong phụ khoa:

- Tính toán thể tích tiểu tiện và thể tích còn lại
- Các đo đặc Tử cung, Buồng trứng Phải và Trái, Nang Phải và Trái, CRL, MSD, GS và túi noãn hoàng (Yolk Sac)
- Đo Nang trứng hỗ trợ lên đến 15 nang

Đo lường trong siêu âm tim:

- Các phép đo tiêu chuẩn cho người lớn và trẻ em
- Các công thức thể tích để đánh giá chức năng Tâm thất phải và Tâm thất trái trên 2D
- Tính toán trong các mode 2D, M và Doppler
- Các phép đo trong mode M: Độ dốc, nhịp tim, thời gian và khoảng cách
- Báo cáo và bảng tính về bệnh nhân tim cho mode 2D, M và Doppler phổ



Đo lường trong động mạch cảnh

- Tất cả các phép đo (Gần, Giữa, Xa) cho CCA, ICA, ECA, VA trên 2D và Doppler phổ với bên phải và bên trái

- Đo tỷ lệ ICA/CCA trên Doppler phổ

Đo lường trong tuyến giáp:

- Công thức tính thể tích cho các thùy giáp và lên đến 15 hạch riêng biệt trên 2D eo giáp, mặt quét trước sau, ngang tuyến giáp, trước sau tuyến giáp, dọc giữa tuyến giáp và tuyến cận giáp trên chế độ 2D

- Tất cả các phép đo bên phải và bên trái cho vùng trên, dưới và giữa động mạch và tĩnh mạch tuyến giáp trên chế độ Doppler phổ

Đo lường trong siêu âm tiết niệu:

- Công thức tính thể tích Tuyến tiền liệt, bàng quang trước và sau khi bài tiết (trước và sau tiểu) trên chế độ 2D

- Tất cả các phép tính cho bên phải và bên trái túi tinh, ống dẫn tinh và ống phóng tinh trên chế độ 2D

- Tất cả các phép tính cho bên phải và bên trái âm hộ và động-tĩnh mạch chậu trong trên chế độ Doppler phổ

Đo lường trong tinh hoàn:

- Thể tích tinh hoàn, đám rối tĩnh mạch hình dây leo, thành bìu, mào tinh hoàn, nội tinh hoàn

- Các công thức tính thể tích, mào tinh hoàn và lên đến 5 khối trên chế độ 2D

- Tất cả các phép đo trái và phải cho đám rối tĩnh mạch hình dây leo và thành bìu trên chế độ 2D

- Tất cả các phép đo cho mào tinh, nội tinh hoàn, động - tĩnh mạch tinh hoàn trên chế độ Doppler

Đo lường trong cấp cứu:

- FAST: Đánh giá tập trung bằng siêu âm cho báo cáo về thương tổn

- Lòng ngực: Tập hợp các phép đo và báo cáo cần thiết cho các thăm khám về lòng ngực hỗ trợ cho siêu âm cấp cứu

- Sản khoa – Tập hợp các phép đo và báo cáo sản khoa cần thiết

7. Đầu dò

Đầu dò convex đa tần số 6C1:

- Dải tần số: 1.0 đến 5.6 MHz

- Trường nhìn tối đa: 72 độ

- Số chân tử: 128

- Độ sâu hiển thị tối đa: 350 mm

Đầu dò linear đa tần số 14L4:

- Dải tần số: 4.0 đến 12.7 MHz

- Trường nhìn tối đa: 150 mm

- Số chân tử: 256

- Độ sâu hiển thị tối đa: 160 mm

Đầu dò âm đạo đa tần số 10MC3:

- Dải tần số: 3,5 đến 10,2 MHz

- Trường nhìn tối đa: 150 độ

- Độ sâu hiển thị tối đa: 140 mm

Đầu dò khối 9VC2:

- Dải tần số: 1,8 đến 8,5 MHz

- Trường nhìn tối đa: 69 độ

	<ul style="list-style-type: none"> - Độ sâu hiển thị tối đa: 300 mm <p>8. Máy in nhiệt đen trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ: in nhiệt - Tốc độ in: xấp xỉ 1,9 giây/ảnh - Độ phân giải: 325 dpi - Khổ giấy in: 110mm - Cổng giao tiếp USB
D.	CÁC YÊU CẦU KHÁC
	<ul style="list-style-type: none"> - Giao hàng lắp đặt tại nơi sử dụng. - Thời gian bảo hành: 12 tháng - Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Bảo trì 3 tháng/lần trong thời gian bảo hành. - Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng 48 giờ - Có cam kết cung cấp chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy. - Nhà phân phối có địa chỉ thực hiện dịch vụ bảo hành của chính công ty tại Đà Nẵng. - Nhà cung cấp cam kết cung cấp phụ tùng thay thế chính hãng trong vòng ít nhất 05 năm.
2. Tủ an toàn sinh học cấp hai	
A.	YÊU CẦU CHUNG
	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Đạt chất lượng ISO 13485
B.	CẤU HÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ cấy chính : 01 Cái - Bộ màng lọc : 01 Cái - Đèn huỳnh quang chiếu sáng : 01 Cái - Đèn UV :01 Cái - Chân đế có bánh xe :01 Cá - Ổ điện : 01 Cái - Van khí:0 cái
C.	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng tủ NEO là Tủ Class II, loại A2 bảo vệ an toàn cho người thao tác, mẫu vật và môi trường. - Đáp ứng các tiêu chuẩn chứng nhận CE, ENSI, ISO ... - Chiều rộng khoang làm việc: 1200 mm - Mặt bàn làm việc được làm bằng Inox - Kích thước trong (Dài Rộng x Cao): 1200 x 578 x 621 mm - Kích thước ngoài (dài x rộng x cao): 1270 x 788 x 2046 mm - Tủ sử dụng màng lọc HEPA - Tỷ lệ khí: 70% lọc tuần hoàn qua màng lọc HEPA; 30% khí xả ra ngoài môi trường qua màng lọc HEPA - Dòng khí sẽ đi qua màng lọc thô loại bỏ các hạt 3 – 30µm - Hệ thống màng lọc HEPA hiệu năng lọc cao đạt 99.995% cho các hạt có kích thước 0.3 micromet - Bộ lọc có thể thay đổi dễ dàng ở mặt trước của tủ

- Bộ điều khiển vi xử lý với màn hình LCD hiển thị:
- + Điều khiển tốc độ với 09 bước trong dải 0.3 -0.6 m/giây
- + Chức năng tắt/mở quạt
- + Chức năng tắt/mở đèn huỳnh quang
- + Chức năng tắt/mở đèn UV tiệt trùng
- + Chức năng cài đặt thời gian hoạt động của đèn UV
- + Bộ đếm thời gian và chuông báo khi cần thay thế bộ lọc
- Đèn huỳnh quang chiếu sáng khoang thao tác, công suất: 30 W x 2
- Đèn UV tiệt trùng công suất: 30W x 1
- Độ ồn: <65 dB
- Vách sau buồng thao tác thiết kế 02 ổ cắm điện 220V
- Vách bên phải bố trí 02 van khí
- Quạt thiết kế với motor hoạt động êm, không rung
- Cấu trúc:
- + Vách trong làm bằng thép không gỉ loại AISI304 đánh bóng bề mặt.
- + Vách bên trong làm bằng kính an toàn trong suốt.
- + Cửa kính dạng trượt làm bằng kính chịu nhiệt an toàn dày 5mm, hấp thụ tia UV. Cửa kính có thể đóng hoàn toàn giữ buồng làm việc vệ sinh và tránh tia UV chiếu ra ngoài.
- + Vách ngoài chế tạo bằng thép tấm sơn phủ epoxy bảo vệ
- Cửa kính cường lực, trượt mở theo nguyên tắc đối trọng
- Đèn UV tự động tắt khi cửa mở
- Cảnh báo tuổi thọ bộ lọc (báo thay bộ lọc)
- Có thể điều chỉnh chiều cao của chân đế để giữ thẳng bằng
- Trọng lượng tủ: 225kg
- Nguồn điện: 220VAC/50Hz/60Hz

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC

- Giao hàng lắp đặt tại nơi sử dụng.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng
- Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Bảo trì 3 tháng/lần trong thời gian bảo hành.
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng 48 giờ
- Có cam kết cung cấp chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
- Nhà phân phối có địa chỉ thực hiện dịch vụ bảo hành của chính công ty tại Đà Nẵng.
- Nhà cung cấp cam kết cung cấp phụ tùng thay thế chính hãng trong vòng ít nhất 05 năm.
- Kiểm định trước khi bàn giao cho bệnh viện

3. Máy hút dịch

A. YÊU CẦU CHUNG

- Năm sản xuất: 2026 trở về sau
- Chứng chỉ: ISO 13485: 2016
- Nguồn điện cung cấp: 220-230V / 50-60Hz
- Môi trường hoạt động:
- + Nhiệt độ tối đa: 350C
- + Độ ẩm trung bình: 75%

B. CẤU HÌNH

- Bình chứa dịch 5000ml loại Makrolon có thể hấp tiệt trùng: 02 Chiếc
- Chai bẫy an toàn: 02 Chiếc

	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ lọc chống thấm nước và chống nhiễm khuẩn: 02 bộ - Bộ ống silicone 8x14mm có thể hấp tiệt trùng: 02 bộ - Co nối hình nón Ø 10-11-12 mm: 02 Chiếc - Dây nguồn 2 chân cắm dạng Shuko: 01 Chiếc - Bánh xe chống tĩnh điện di động, có 2 phanh: 04 Chiếc - Công tắc chân: 01 Chiếc - Hệ thống đảo chiều từ bình tới bình - Sách hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh
C.	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	<ul style="list-style-type: none"> - Motor: Bơm pittông không dầu, không cần bảo dưỡng - Cấp nguồn: 220-230V / 50-60Hz - Phân loại ISO 10079-1: HIGH VACUUM/ HIGH FLOW - Chân không tối đa (có thể điều chỉnh): -0.90Bar; -90kPa; -675mmHg - Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa : 60 lít/phút - Mức nhiễu ồn: 51,7 Dba - Chu kỳ hoạt động: Liên tục - Trọng lượng: 20kg - Kích thước: 46 x42x 85 cm
D.	CÁC YÊU CẦU KHÁC
	<ul style="list-style-type: none"> - Giao hàng lắp đặt tại nơi sử dụng. - Thời gian bảo hành: 12 tháng - Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Bảo trì 3 tháng/lần trong thời gian bảo hành. - Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng 48 giờ - Có cam kết cung cấp chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy. - Nhà phân phối có địa chỉ thực hiện dịch vụ bảo hành của chính công ty tại Đà Nẵng. - Nhà cung cấp cam kết cung cấp phụ tùng thay thế chính hãng trong vòng ít nhất 05 năm

4. Máy đo điện tim

A.	YÊU CẦU CHUNG
	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001, EU. - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. - Môi trường hoạt động: - Nhiệt độ tối đa: 35oC - Độ ẩm tối đa: 75%
B.	CẤU HÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 máy - Dây nguồn: 1 cái - Cáp điện tim: 1 cái - Điện cực trước ngực: 6 cái - Điện cực kẹp chi: 4 cái - Giấy in: 1 xấp - Bút lau đầu in nhiệt: 1 cái - Pin: 1 cái - Tài liệu kỹ thuật: 01 bộ

- Quy trình vận hành thiết bị: 01 bộ
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 1 bộ

C.

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

- Có thể xuất dữ liệu qua mạng LAN có dây hoặc mô-dun mạng LAN không dây tích hợp sẵn.
- Phần mềm kết nối RIS
- Có thể sử dụng bộ nhớ USB ngoài hoặc thẻ nhớ ngoài SD.
- Thông tin bệnh nhân có thể được nhận từ máy chủ bên ngoài. Và báo cáo có thể được xuất ra ở định dạng DICOM hoặc PDF giúp tích hợp dữ liệu tốt hơn với các hệ thống quản lý dữ liệu khác nhau.
- Có chức năng cảnh báo và hướng dẫn giúp người vận hành kiểm tra nguyên nhân lỗi. Có thể phát hiện sự cố không tiếp xúc điện cực và đặt sai vị trí các điện cực ở ngực và điện cực chi, từ đó đưa ra thông báo cảnh báo.
- **Đầu vào điện tim**
 - Trở kháng đầu vào: $\geq 50M\Omega$ tại 0.67Hz
 - Điện áp chống phân cực: $\pm 550mV$
 - Chức năng bảo vệ đầu vào: chức năng tránh sốc điện
 - Tỷ lệ loại bỏ thông thường: $> 105dB$
 - Dòng điện đầu vào: $< 0.05\mu A$
 - Độ nhạy tiêu chuẩn: $10mm/mV \pm 2\%$
 - Nhiễu trong: $\leq 20\mu Vp-v$
 - Giao thoa giữa các kênh: $< -40dB$
 - Đặc trưng tần số: với 10 Hz làm điểm chuẩn, 0.05 đến 150 Hz ($+0.4 dB/-3.0dB$)
 - Tỷ lệ lấy mẫu: 16000 mẫu/giây/kênh
 - Đếm nhịp tim:
 - Phạm vi hiển thị và đếm nhịp tim: 30 – 300 nhịp/phút
 - Độ chính xác: $\pm 10\%$ (30 – 240 nhịp/phút)
- **Xử lý dữ liệu dạng sóng**
 - Số đạo trình: 12 đạo trình
 - Số kênh đầu vào: 1 kênh
 - Tỷ lệ lấy mẫu: 500 mẫu/giây, $1.25\mu v/LSB$
 - Đáp ứng tín hiệu tối thiểu: $\leq 20\mu Vp-v$
 - Lọc nhiễu điện cơ: 25/35 Hz
 - Lọc cao tần: 75, 100, 150Hz (-3dB)
 - Lọc AC: 50/60Hz
 - Chống trôi đường cơ sở: Yếu: 0.1 Hz (-20db), Mạnh: 0.1 Hz (-34db)
 - Hằng số thời gian: $\geq 3.2s$
 - Độ nhạy: 5, 10, 20 mm/mV
 - Phát hiện tạo nhịp: có sẵn
 - Chuyển đổi A/D: 24 bit
- **Hiển thị**
 - Kích thước: 8.0 inch
 - Loại: TFT LCD màu
 - Độ phân giải: 800 x 480 điểm
 - Dữ liệu hiển thị: dạng sóng 12 đạo trình điện tim, thông tin bệnh nhân, cài đặt in, chế độ hoạt động, nhịp tim, đánh dấu QRS, cảnh báo lỗi, tuột điện cực, nhiễu
- **In**
 - Chế độ in: đường in nhiệt



- Mật độ in: 200 dpi
- Mật độ dòng quét: 1ms
- Số kênh: 3, 3+Rhythm, 6
- Tốc độ in: 5, 10, 12.5, 25, 50 mm/s
- Độ chính xác in: $\leq 5\%$
- Dữ liệu in: dạng sóng ECG, nhịp tim, tên đạo trình, phiên bản, ngày tháng và thời gian, tốc độ giấy, độ nhảy, cài đặt bộ lọc, thông tin bệnh nhân, thông tin thăm khám và các đánh dấu
- Giấy in: rộng 110mm, dài 30, dạng xấp
- Có thể in dạng lưới
- **Đầu vào/ đầu ra bên ngoài**
- Đầu vào bên ngoài: 2 kênh, 10mm/0.5V, trở kháng đầu vào $\geq 100k\Omega$
- Đầu ra tín hiệu: 1 kênh, 0.5V/mV $\pm 5\%$, trở kháng đầu ra $\leq 100\Omega$
- **Phân tích ECG**
- Tên chương trình: ECAPS 12C
- Tuổi bệnh nhân phân tích: sơ sinh, trẻ em, người lớn
- Mục tìm kiếm: khoảng 200
- Mục đánh giá: 5
- **Quản lý dữ liệu**
- Tệp đầu ra: DICOM, PDF (với thẻ SD, bộ nhớ USB)
- Máy in bên ngoài: có sẵn
- **Nguồn điện cung cấp**
- Điện áp: AC (100 – 240V) $\pm 10\%$
- Tần số: 50/60Hz $\pm 2\%$
- Đầu vào nguồn điện: $\leq 80VA$
- Pin: 12V
- Thời gian hoạt động của pin: hơn 150 phút
- Thời gian sạc pin: trong vòng 3 giờ
- **Giao diện**
- USB loại A: 2
- Cổng thẻ SD: 1
- Cổng LAN: 1
- **Giao tiếp**
- Mạng LAN không dây: tương thích tiêu chuẩn IEEE 802.11a/b/g/n/ac

D.

CÁC YÊU CẦU KHÁC

- Giao hàng lắp đặt tại nơi sử dụng.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng
- Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Bảo trì 3 tháng/lần trong thời gian bảo hành.
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng 48 giờ
- Có cam kết cung cấp chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
- Nhà phân phối có địa chỉ thực hiện dịch vụ bảo hành của chính công ty tại Đà Nẵng.
- Nhà cung cấp cam kết cung cấp phụ tùng thay thế chính hãng trong vòng ít nhất 05 năm
- Kiểm định trước khi bàn giao cho bệnh viện

CÔNG TY.....
 MÃ SỐ THUẾ:
 ĐỊA CHỈ:
 EMAIL:.....
 SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Đông Giang
 Địa chỉ: 121 Võ Chí Công - xã Đông Giang - thành phố Đà Nẵng
 Công ty chúng tôi báo giá như sau:

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ													
TT	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày 10/4/2026.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Trong trường hợp có sai sót chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Thông tin chào giá của hàng hóa phải thống nhất với thông tin hàng hóa đã được BHHX duyệt theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021.

.....ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)

